TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 240/2018/QĐST-HNGĐ	*Đại Từ, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 334/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm 12, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm 12, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn C và chị Trần Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C, chị T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh C, chị T cùng xác định có 01 con chung là Bùi Hải A, sinh ngày 07/4/2009. Khi ly hôn anh C, chị T đã thống nhất thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền thăm nom con chung: Anh C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Anh C, chị T xác định hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí:

Anh C tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm chung sung công quỹ nhà nước (được trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012480 ngày 08/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ). Hoàn trả anh C 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012480 ngày 08/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÀO NGỌC HÀI